

Số: 777 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 12 tháng 03 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Khung đánh giá tình hình thực hiện  
mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thống kê ngày 23/11/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê ngày 12/11/2021;*

*Căn cứ Quyết định số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 288/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Khung đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội;*

*Theo đề nghị của Cục Thống kê tỉnh tại Văn bản số 228/TTr-CTK ngày 08/3/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Khung đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định (sau đây gọi tắt là Khung đánh giá) để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Các Sở, ban, ngành:

- Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các sở, ngành có liên quan triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các chỉ tiêu trong Khung đánh giá tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này; định kỳ hằng năm, giữa kỳ, 5 năm đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu của cơ quan, đơn vị mình, gửi Cục Thống kê tỉnh vào ngày 15 tháng 3 năm tiếp theo.

- Rà soát, đề xuất điều chỉnh các chỉ tiêu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị trong trường hợp cần thiết, gửi Cục Thống kê tỉnh tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

## 2. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Xây dựng Khung đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, giữa kỳ, 5 năm của huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở Khung đánh giá và Hệ thống chỉ tiêu cấp huyện, xã.

- Phân công các phòng, ban, đơn vị thực hiện các chỉ tiêu trong Khung đánh giá; định kỳ hằng năm, giữa kỳ, 5 năm đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện, thị xã, thành phố tổng hợp báo cáo UBND huyện, thị xã, thành phố, Cục Thống kê tỉnh vào ngày 15 tháng 3 năm tiếp theo.

- Rà soát, đề xuất điều chỉnh các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn trong trường hợp cần thiết, gửi Cục Thống kê tỉnh tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

## 3. Cục Thống kê tỉnh:

- Chủ trì, tổng hợp số liệu của Khung đánh giá trong quá trình đánh giá kết quả thực hiện phát triển kinh tế - xã hội hằng năm; trên cơ sở đó, kịp thời đề xuất, báo cáo UBND tỉnh trong việc chỉ đạo xây dựng, tổ chức thực hiện, đánh giá bổ sung kết quả thực hiện các Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, tổng hợp số liệu của Khung đánh giá, bảo đảm sự kết nối, liên thông, kịp thời phục vụ sự chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, UBND cấp huyện.

- Tổng hợp, đề xuất Bộ Kế hoạch và Đầu tư việc điều chỉnh, bổ sung Khung đánh giá kịp thời, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- Chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục Thống kê;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tự Công Hoàng**





STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện giai đoạn 2016-2020	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025	Thực hiện từng năm					Ước tính thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đánh giá so với mục tiêu giai đoạn 2021-2025	Cơ quan báo cáo	Kỳ báo cáo
					2021	2022	2023	2024	2025				
	<i>Tốc độ tăng thu nội địa</i>	%										"	"
	Tỷ lệ thu nội địa/tổng thu NSNN trên địa bàn	%										"	"
<b>2</b>	<b>Chi cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>Tỷ đồng</b>										<b>Sở Tài chính</b>	<b>Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm</b>
	<i>Tốc độ tăng</i>	%										"	"
	<i>Trong đó</i> : Chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương	Tỷ đồng										"	"
	<i>Tốc độ tăng</i>	%										"	"
	Tỷ lệ chi đầu tư phát triển của NSDP trong chi cân đối NSDP	%										"	"
<b>IV</b>	<b>ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG</b>												
<b>1</b>	<b>Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh</b>	<b>Tỷ đồng</b>										<b>Cục Thống kê</b>	<b>Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm</b>
1.1	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh theo giá hiện hành phân theo loại hình kinh tế	"										"	"
1.1.1	Nhà nước	"										"	"
1.1.2	Ngoài Nhà nước	"										"	"
1.1.3	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	"										"	"
1.2	Cơ cấu vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh giá hiện hành phân theo loại hình kinh tế	%										"	"
1.2.1	Nhà nước	"										"	"
1.2.2	Ngoài Nhà nước	"										"	"
1.2.3	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	"										"	"
1.3	Tốc độ tăng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh theo giá so sánh	%										"	"
<b>2</b>	<b>Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh so với GRDP</b>	<b>%</b>										"	<b>Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm</b>
<b>3</b>	<b>Đầu tư nước ngoài</b>											<b>Sở KH&amp;ĐT</b>	<b>Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm</b>
3.1	Số dự án đầu tư nước ngoài	Dự án										"	"
3.2	Vốn đầu tư nước ngoài đăng ký	Triệu USD										"	"
3.2.1	Cấp mới	"										"	"
3.2.2	Điều chỉnh	"										"	"
3.2.3	Góp vốn, mua cổ phần	"										"	"
<b>4</b>	<b>Xây dựng</b>												
4.1	Diện tích sản xây dựng nhà ở hoàn thành	Nghìn m <sup>2</sup>										<b>Sở XD</b>	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm















STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện giai đoạn 2016-2020	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025	Thực hiện từng năm					Ước tính thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đánh giá so với mục tiêu giai đoạn 2021-2025	Cơ quan báo cáo	Kỳ báo cáo
					2021	2022	2023	2024	2025				
3	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	"										Sở TNMT	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
4	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý	"										"	"
5	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	"										"	"
6	Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	"										"	"
7	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%										"	Giữa kỳ, 5 năm
8	Tỷ lệ đô thị hóa	%										Sở XD	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
9	Diện tích cây xanh đô thị *	m2/người										Sở TNMT	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
10	Tỷ lệ đất dành cho giao thông so với đất xây dựng đô thị*	%										Sở XD	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
<b>D</b>	<b>CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH</b>												
1	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Điểm										VCCI	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
	<i>Xếp hạng</i>											"	"
2	Chỉ số sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin (ICT index)	Điểm										Sở TTTT	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
3	Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)	Điểm										Sở Nội vụ	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
	<i>Xếp hạng</i>											"	"
4	Chỉ số cải cách hành chính (Par index)	%										"	"
5	Chỉ số hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS)	%										UNDP và CECODES	"
<b>E</b>	<b>CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG</b>												
1	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh hằng năm*	%										Ban tổ chức tỉnh ủy	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
2	Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới bình quân hằng năm*	%										"	"

(\*): Các chỉ tiêu bổ sung phục vụ đánh giá Nghị quyết Đại hội đảng tỉnh